

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Năm báo cáo 2010**

* Tên công ty	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5</b>
* Tên tiếng Anh	: <b>Song Da 5 joint stock Company</b>
* Tên viết tắt	: <b>Song Da 5 JSC</b>
* Mã chứng khoán	: <b>SD5</b>
* Số lượng cổ phiếu lưu hành	: <b>9.000.000 Cổ phiếu</b>
* Địa chỉ trụ sở	: <b>Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La</b>
* Điện thoại	: <b>022 3831 342</b> Fax: <b>022 3831 342</b>
* Website: <b>songda5.com.vn</b>	Email: <b>Info@songda5.com.vn</b>

## **I. Lịch sử hoạt động của Công ty**

### **1. Những sự kiện quan trọng, quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Sông Đà 5 (Công ty) tiền thân là Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số: 79/BXD-TCLĐ ngày 03/5/1990 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; là doanh nghiệp nhà nước, đơn vị thành viên của Tổng Công ty xây dựng Sông Đà. Trụ sở khi đó đóng tại 31 Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn.

Tháng 11/1990 đơn vị chuyển trụ sở lên xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định và tham gia xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn.

Tháng 7/1995 Công ty chuyển trụ sở đến xã Iamônông, huyện ChuPảh, tỉnh Gia Lai tham gia xây dựng thủy điện Yaly.

Tháng 1/1996 Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn được đổi tên thành Công ty xây dựng Sông Đà 5 (theo Quyết định số 04/BXD) và được xếp hạng doanh nghiệp loại 1, trụ sở đóng tại xã Iamônông, huyện ChuPảh, tỉnh Gia Lai.

Tháng 4/1999 trụ sở Công ty chuyển về Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tháng 4/2000 trụ sở Công ty chuyển đến Xã Thanh Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để tham gia xây dựng nhà máy thủy điện Cản Đon.

Tháng 5/2002 chuyển trụ sở ra thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia xây dựng công trình thủy điện Tuyên Quang và được đổi tên thành Công ty Sông Đà 5.

Ngày 04/11/2004 Công ty Sông Đà 5 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 5 theo Quyết định 1720/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

Từ ngày 13/12/2006 Công ty cổ phần Sông Đà 5 được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 74/QĐ-TTGDCCKHN của Trung Tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là: SD5

Năm 2007 Công ty chuyển trụ sở làm việc từ Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang đến Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La để tham gia xây dựng thủy điện Sơn La.

- + Đại hội cổ đông thành lập diễn ra vào ngày 17, 18/11/2004;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ nhất vào ngày 06/3/2006;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai vào ngày 17/4/2007;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ ba vào ngày 07/4/2008;
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ tư vào ngày 24/4/2009.
- + Đại hội cổ đông thường niên lần thứ năm vào ngày 09/04/2010.
- + Dự kiến đại hội cổ đông thường niên lần thứ sáu vào ngày 19/04/2011.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là: 90.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng chẵn./.

Trụ sở hiện tại của Công ty: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

## **2. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty CP Sông Đà 5 hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0100886857 đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 28/01/2010 do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp

- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn;
- Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước;
- Xây dựng công trình đường bộ;

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh: Điện, vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị, phụ kiện xây dựng;
- Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Mua, bán, nhập khẩu: vật tư, phụ tùng, xe máy, thiết bị thị công;
- Đầu tư tài chính vào các Công ty con, Công ty liên kết;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

### **3. Định hướng phát triển**

#### **3.1. Định hướng:**

Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp xây dựng mạnh trong nước, lấy hiệu quả kinh tế xã hội, chất lượng sản phẩm làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp là lĩnh vực kinh doanh chủ yếu bên cạnh đó phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; xây lắp các công trình giao thông, dân dụng, tham gia thi công xây lắp nhà máy nhiệt điện, điện hạt nhân.

Tiếp tục xây dựng và phát triển mô hình Công ty mẹ - Công ty con, giữ vững Công ty CP Sông Đà 5 là một doanh nghiệp mạnh, đa ngành nghề, đa sở hữu, Duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống là xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, công nghiệp; khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng... Tiếp tục tìm kiếm mở rộng đầu tư sang lĩnh vực kinh doanh nhà ở và cơ sở hạ tầng, đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm, khai thác khoáng sản và đầu tư tài chính đảm bảo cho Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh, đủ sức để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Tập đoàn Sông Đà.

#### **Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 5 năm (2011-2015):**

Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm :	4,35%.
- Tổng giá trị sản lượng:	4.646,1 tỷ đồng.
- Doanh thu:	4.800 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước:	245 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế:	307 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức:	20%.
- Lao động bình quân:	1.800 người.
- Thu nhập bình quân:	5,6 triệu đồng.
- Kế hoạch đầu tư:	372,2 tỷ đồng.

#### **3.2. Cơ cấu ngành nghề:**

- Giá trị xây lắp chiếm tỷ trọng khoảng 60% trong tổng giá trị SXKD: Tập trung thi công các công trình thủy điện, nhiệt điện, giao thông, các công trình công nghiệp và khu đô thị.

- Các công trình công ty đã có hợp đồng: Thủy điện Sơn La, Nậm Chiến, Hủa Na, Lai Châu, Sông Chảy, Đakrinh; Các công trình dự kiến tiếp thị đấu thầu: Thủy điện Bản Mòng, Nậm Mô, Đồng Văn, Trung Sơn, Suối Chiếu và nhà máy nhiệt điện Long Phú, Quỳnh Lập và một số công trình đường giao thông.

- Giá trị phục vụ xây lắp chiếm tỷ trọng khoảng 34% trong tổng giá trị SXKD: Tập trung sản xuất vật liệu (cát, đá, bê tông CVC, RCC...), khai thác đá hộc cung cấp cho các công trình lớn của Tập đoàn và các công trình Công ty đấu thầu.

- Giá trị sản xuất công nghiệp và kinh doanh khác chiếm tỷ trọng khoảng 6% trong tổng giá trị SXKD: Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

### **3.3. Nhiệm vụ chủ yếu cần thực hiện:**

- Tập trung cao độ mọi nguồn lực để hoàn thành tiến độ các công trình trọng điểm như thủy điện: Hủa Na, Lai Châu.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy của đơn vị. Chuyển đổi các đơn vị trực thuộc theo mô hình Công ty TNHH nhà nước một thành viên.

- Tìm kiếm cơ hội để đầu tư bất động sản, xây dựng các dự án thủy điện, nhiệt điện, giao thông, khai khoáng, sản xuất và kinh doanh điện. Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu, hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết để đảm bảo tìm đủ việc làm những năm tới.

- Chỉ đạo quyết liệt các dự án đơn vị đang đầu tư để hoàn thành mục tiêu, tiến độ đã đề ra, đảm bảo hiệu quả đầu tư đạt cao nhất.

- Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào mọi lĩnh vực SXKD của Công ty, nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD, tạo bước đột phá phát triển của Công ty.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người đủ về số lượng, có chất lượng cao để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD. Thường xuyên chăm lo nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho CBCNV.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:**

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	% TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	1.050	1.325	126%
2	Doanh thu bán hàng thuần	1.087	1.320	121%
3	Lợi nhuận trước thuế	71,1	72,7	102%
4	Lợi nhuận sau thuế	71,1	67,7	95%
5	Mức cổ tức dự kiến	2.000đ/CP	2.000đ/CP	

- Tình hình tài chính của công ty đến thời điểm 31/12/2010 như sau:

Tổng tài sản	: 716.524.405.994 đồng
+ Tài sản ngắn hạn	: 520.075.861.685 đồng
+ Tài sản dài hạn	: 196.448.544.309 đồng
Tổng nguồn vốn	: 716.524.405.994 đồng
+ Nợ phải trả	: 352.277.817.153 đồng
+ Vốn chủ sở hữu	: 364.246.588.841 đồng

## 2. Những thay đổi trong năm :

- Hoạt động đầu tư:

DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Kế hoạch (10 <sup>6</sup> VNĐ)	Thực hiện năm 2010 (10 <sup>6</sup> VNĐ)	Tỷ lệ TH
<b>Tổng cộng</b>			<b>142.175</b>	<b>79.100</b>	<b>56%</b>
<b>I</b>	<b>Dự án đầu tư nâng cao năng lực thi công</b>		<b>52.175</b>	<b>7.340</b>	<b>14%</b>
1	Dự án đầu tư 01 máy xúc lật dung tích gầu 03 m <sup>3</sup>	01 máy	900	840	
2	Dự án đầu tư 05 xe chuyển trộn vữa bê tông	05 xe	6.825	6.500	
3	Dự án đầu tư 01 trạm nghiền đá dăm công suất 100m <sup>3</sup> /h (huỷ thầu)	01 trạm	15.750	0	
4	Dự án đầu tư 02 máy khoan thủy lực	02 máy	7.500	0	
5	Dự án đầu tư 05 xe ô tô tải ben	05 xe	9.000	0	

6	Dự án đầu tư 01 trạm trộn bê tông	01 trạm	2.200	0	
7	Xe máy thiết bị thi công đường giao thông		10.000	0	
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính + các dự án</b>		<b>90.000</b>	<b>72.000</b>	<b>80%</b>
1	Đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển điện Tây Bắc	10 <sup>6</sup> đồng	10.000	10.000	100%
2	Đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Sông Đà 5 (Dự án thủy điện Sông Chảy 5)	10 <sup>6</sup> đồng	80.000	62.000	78%

- Công ty thành lập công ty con là công ty CP đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5 với ngành nghề chính là xây dựng thủy điện vừa và nhỏ.

- Tăng vốn điều lệ: Thực hiện nghị quyết của HĐQT công ty CP Sông Đà 5 và Tổng công ty Sông Đà về việc tăng vốn điều lệ từ 60,094 tỷ lên 90 tỷ đồng nhằm huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty đã hoàn thành xong đợt chào bán và niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trong tháng 02/2010 với mức giá 50.500 đồng/ cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán: 2.906.000 cổ phiếu, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 146.753.000.000 đồng với hơn 100 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần.

### 3. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2011:

Căn cứ vào kế hoạch, thoả thuận sản lượng với các Ban điều hành Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc đã thống nhất thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2011 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kế hoạch SXKD</b>			
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	827.000	
2	Doanh thu thuần	10 <sup>6</sup> đ	900.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	60.000	

4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	57.000	
5	Thu nhập bình quân	10 <sup>6</sup> đ	5,5	
<b>II</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	10 <sup>6</sup> đ		
1	Nâng cao năng lực thi công	10 <sup>6</sup> đ	75.400	
2	Đầu tư tài chính	10 <sup>6</sup> đ	38.000	

- Tăng cường công tác thu hồi vốn tại các công trường nhằm giảm khối lượng XDChB dở dang, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- Tập trung thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản công nợ nội bộ Tổng Công ty.

- Tiết kiệm hơn nữa chi phí sản xuất và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Công tác vật tư, cơ giới: Lập kế hoạch về nhu cầu, cung ứng kịp thời và chủ động về việc cung cấp vật tư, phụ tùng cho sản xuất; Hạn chế tối thiểu lượng vật tư tồn kho không cần thiết.

- Thực hiện công tác phân tích kinh tế tại các đơn vị trực thuộc mỗi quý 1 lần, toàn công ty 6 tháng/lần (6 tháng đầu năm và cả năm).

- Tổ chức thi công tốt để sử dụng tối đa năng lực thiết bị thi công hiện có của Công ty.

- Đối với công tác kỹ thuật: Nâng cao và kiểm soát chất lượng, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy phạm. Giải quyết các vướng mắc trong công tác thiết kế, mặt bằng và biện pháp tổ chức thi công. Đảm bảo công tác hoàn thiện các hạng mục phục vụ bàn giao đúng tiến độ thỏa thuận với Ban điều hành và Chủ đầu tư.

- Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm việc làm, tính toán phân tích hiệu quả kinh tế để tham gia đấu thầu, nhận thầu các công trình ngoài;

- Chuẩn bị đầy đủ điều kiện, năng lực, tiềm lực đảm bảo hoàn thành các hợp đồng xây lắp đã ký tại các công trình trọng điểm như thủy điện Nậm Chiến, Hủa Na, và thủy điện Lai Châu và một số công trình thủy điện khác.

### **III. Báo cáo của Ban giám đốc**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,42	28,37
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		72,58	71,63
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	49,16	78,30
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		50,84	21,70
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,48	0,01
	- Khả năng thanh toán tổng quát		1,48	1,28
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		9,45	8,33
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,14	5,82
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/NVCSH		18,58	38,40

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

Tổng tài sản	: 716.524.405.994 đồng
+ Tài sản ngắn hạn	: 520.075.861.685 đồng
+ Tài sản dài hạn	: 196.448.544.309 đồng
Tổng nguồn vốn	: 716.524.405.994 đồng
+ Nợ phải trả	: 352.277.817.153 đồng
+ Vốn chủ sở hữu	: 364.246.588.841 đồng

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp đến thời điểm 31/12/2010:

Cổ phiếu:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	: 9.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	: 9.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	: 9.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	: -
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 9.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	: 9.000.000

- + Cổ phiếu ưu đãi : -
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VNĐ/1 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ : -
- Số lượng cổ phiếu quỹ theo từng loại : -
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : Dự kiến 20%

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2010 Ban Tổng giám đốc công ty đã trực tiếp điều hành các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đăng ký với Đại hội đồng cổ đông. Cùng với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ban Tổng giám đốc và sự đoàn kết, phấn đấu của các xí nghiệp, chi nhánh các hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm của toàn công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận, vượt kế hoạch đã đề ra. Cụ thể như sau:

2.1. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2010: 1.325 tỷ đồng/1.050 tỷ đồng.- Đạt 126,22% kế hoạch. Trong đó:

- Giá trị xây lắp: 635,7 tỷ đồng /473 tỷ đồng đạt 134,4% kế hoạch.
- Ngoài xây lắp: 689,3 tỷ đồng /577 tỷ đồng đạt 120% kế hoạch.

2.2. Lao động tiền lương:

- Tổng số lao động hiện có: 1.775 người.
- Thu nhập bình quân 1 người/tháng: 5,15 triệu đồng/5 triệu đồng, đạt 103% kế hoạch.

2.3. Doanh thu: 1.320 tỷ đồng/1.086 tỷ đồng đạt 121% kế hoạch.

2.4. Các khoản nộp Ngân sách: 88,7 tỷ đồng/54,5 tỷ đồng bằng 178% kế hoạch; tăng 112% so với năm 2008.

2.5. Khấu hao tài sản cố định: 151,3 tỷ đồng/154,6 tỷ đồng bằng 97,9% kế hoạch.

2.6. Lợi nhuận trước thuế: 72,7 tỷ đồng/71 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch.

2.7. Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu: TH 5,5%/KH 6,5%, đạt 84% kế hoạch
- Tỷ suất lợi nhuận / vốn điều lệ: TH 80,8%/KH 79%, đạt 102% kế hoạch

2.8. Cổ tức dự kiến: 20%

## **3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :**

### **3.1 Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp**

- Tổ chức sắp xếp, định biên lại các phòng ban chuyên môn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Bố trí sắp xếp mô hình quản lý điều hành từ Công ty và các Xí nghiệp, chi nhánh hợp lý tại các công trường thi công.
- Thành lập thêm công ty con (Công ty CP đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Chảy 5 với mức vốn điều lệ 100 tỷ đồng, hiện đã góp 62 tỷ đồng) xây dựng nhà máy thủy điện trên Sông Chảy - Hà Giang.

### **3.2. Công tác kinh tế:**

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của năm 2010 đạt và vượt kế hoạch, là tiền đề và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm sau.

\* Công tác hợp đồng và quản lý hợp đồng:

- Phân cấp hợp đồng và uỷ quyền các công việc cụ thể cho Xí nghiệp đã tạo tính chủ động và tự chịu trách nhiệm trong công việc, trong quản lý.

\* Công tác kinh tế:

- Phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn Sông Đà, các Ban điều hành, Ban quản lý trong việc thẩm tra, trình duyệt định mức, đơn giá, dự toán và tổng dự toán công trình.
- Ban hành đầy đủ định mức, đơn giá và phương thức thanh toán nội bộ giữa các Xí nghiệp.
- Xây dựng qui chế lương khoán và thực hiện việc chi trả lương người lao động đầy đủ, kịp thời.

### **3.3. Công tác tài chính, tín dụng:**

- Thường xuyên duy trì tạo dựng các mối quan hệ để ký được các hợp đồng hạn mức vay vốn lưu động với các ngân hàng (như Ngân hàng Công thương Sông Nhuệ, Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tuyên Quang, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn La, Tài chính Sông Đà) nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Thanh toán kịp thời các khoản tiền lương và chế độ của người lao động.
- Phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 60,94 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng. Thặng dư vốn 116,15 tỷ đồng, bổ xung, đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- Hoàn thành công tác kiểm toán nhà nước năm 2009.
- Công nợ, dở dang, thanh toán giữa các đơn vị: Luôn thanh toán đúng thời hạn, không để nguồn vốn, vật tư bị thiếu, đảm bảo các tiến độ chung trên các công trường, khối lượng dở dang tại các công trình ở mức cân đối trong giới hạn cho phép.
- Công tác đảm bảo vốn đầu tư vào SXKD: Năm 2010, chủ yếu sử dụng vốn tín dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động và một phần vốn tự có, sử dụng vốn hợp lý, đảm bảo dư nợ tín dụng, không có nợ xấu.

- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí: Luôn quán triệt, áp dụng các biện pháp tiết kiệm trong SXKD như định mức tiêu hao vật tư nội bộ, luôn cải tiến kỹ thuật trong thi công, áp dụng các biện pháp tăng năng suất hạ giá thành để đảm bảo lợi nhuận.

### **3.4. Các công tác khác:**

#### **3.4.1. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, thiết bị và an toàn lao động:**

- Công tác an toàn lao động:

+ Duy trì mạng lưới an toàn viên từ Công ty đến các Xí nghiệp, tổ đội sản xuất, thường xuyên kiểm tra đôn đốc an toàn, trong năm không xảy ra trường hợp tai nạn đáng tiếc.

+ Huấn luyện an toàn cho 100% lao động trước khi ký Hợp đồng; quan tâm và cấp đầy đủ trang thiết bị an toàn cho người lao động.

- Công tác kỹ thuật:

+ Hồ sơ: Trong năm qua công tác này được đơn vị đặc biệt chú trọng: Đã lập và lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ nghiệm thu thanh toán và bàn giao các công trình.

+ Chất lượng: Chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình đã được quan tâm đúng mức, việc củng cố tăng cường cán bộ kỹ thuật, tuân thủ quy trình giám sát chất lượng nhằm tạo ra sản phẩm với chất lượng cao.

- Phối hợp cùng tư vấn và chủ đầu tư giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công.

- Quản lý công nghệ, thiết bị: Bố trí hợp lý xe máy, thiết bị tại các công trường; cân đối điều chuyển xe máy, thiết bị kịp thời linh hoạt đảm bảo yêu cầu sản xuất.

+ Chuẩn bị vật tư đầy đủ, đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình; Cấp phát vật tư trên cơ sở định mức nội bộ và quyết toán vật tư hàng tháng. Duy trì công tác nội nghiệp, giao ban vật tư cơ giới tuần để giải quyết, tháo gỡ kịp thời vướng mắc.

#### **3.4.2. Công tác đào tạo, tuyển dụng:**

- Đối với công tác tổ chức cán bộ, quản lý điều hành:

Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ: Luôn chú trọng và trong năm đã thực hiện tốt công tác này. Các cán bộ xem xét bổ nhiệm đều được thực hiện đúng quy trình, Quy chế quản lý cán bộ công nhân viên của đơn vị (năm 2010 công ty đã bổ nhiệm 01 Phó tổng giám đốc; Điều động luân chuyển 01 trưởng phòng tổ chức hành chính; bổ nhiệm 02 phó phòng, 02 phó giám đốc xí nghiệp và 02 trưởng ban).

Học tập nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ: năm 2010 đã cử 06 cán bộ tham gia các lớp học giám đốc kinh doanh, 03 cán bộ theo học lớp giám đốc chuyên nghiệp, 12 cán bộ theo học quản trị doanh nghiệp, 02 cán bộ tham gia học nâng cao nghiệp vụ Ban kiểm soát, 03 cán bộ theo học cao học. Các cán bộ này đều có cam kết sau khi học xong làm việc lâu dài tại đơn vị. Đây là lực lượng mà công ty xác định là lực lượng cán bộ chủ chốt đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển bền vững và lâu dài của đơn vị.

- Đối với cán bộ kỹ thuật: Bên cạnh việc tuyển dụng các kỹ sư trẻ có chuyên ngành về thủy lợi để tham gia xây dựng các dự án thủy điện đang thi công. Công ty chú trọng tuyển dụng các kỹ sư chuyên ngành về Kinh tế, Luật am hiểu và có kinh nghiệm trong công tác đấu thầu để sẵn sàng tham gia đấu thầu các công trình mới.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

##### **4.1. Công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp:**

Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và điều hành của Công ty phù hợp với tình hình nhiệm vụ, cụ thể:

+ Tổ chức sản xuất hợp lý tại thủy điện Lai Châu để điều hành sản xuất của đơn vị đáp ứng kịp thời nhiệm vụ, công việc được giao.

+ Thành lập Phòng thị trường, Phòng nghiên cứu khoa học công nghệ xây dựng để tham gia đấu thầu, tìm kiếm mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh.

+ Chuyển trụ sở Công ty về HH4 - Mỹ Đình - Hà Nội trong quý II năm 2011.

+ Bổ sung sửa đổi các quy định quản lý, phân cấp cho các đơn vị trực thuộc.

##### **4.2. Công tác thị trường, đầu tư và quản lý:**

- Lấy thế mạnh thi công truyền thống là công trình thủy điện, thủy lợi như đập dâng, đập tràn, nhà máy làm nòng cốt. Nghiên cứu phát triển mở rộng sản xuất kinh các ngành nghề mới.

- Chuẩn bị đầy đủ điều kiện, năng lực, tiềm lực đảm bảo hoàn thành các hợp đồng xây lắp đã ký tại các công trình trọng điểm như thủy điện Sơn La, Nậm Chiến, Hỏa Na, Sông Chảy 5 và công trình thủy điện Lai Châu...

- Tìm kiếm dự án khai thác khoáng sản tại tỉnh Hà Giang, mỏ đá để khai thác và sản xuất đá dăm, cát xay tại tỉnh Hòa Bình để cung cấp cho thị trường Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Tìm kiếm việc làm tại các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng, dự án đường giao thông; Tiếp thị, xúc tiến các công tác chuẩn bị để có thể tham gia xây dựng nhà máy điện hạt nhân.

- Tham gia đấu thầu các công trình như: Công trình thủy lợi Bản Mòng - Sơn La; Công trình thủy điện Đồng Văn - Nghệ An; Phối hợp với Tập đoàn tham gia đấu thầu thủy điện Trung Sơn – Thanh Hóa, Nhà máy nhiệt điện Long Phú, Quỳnh Lập ...

- Đầu tư thiết bị xe máy nâng cao năng lực thi công xây lắp: 75,4 tỷ đồng;

- Tiếp tục xem xét đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất vật liệu xây dựng.

##### **4.3. Giải pháp tài chính - tín dụng:**

- Công tác nghiệm thu, thanh toán, dở dang công nợ:

+ Lập kế hoạch thu vốn tuần tháng, quý, giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, cá nhân. Định kỳ hàng tuần, tháng công ty tiến hành họp kế hoạch công tác nghiệm thu, thanh toán và giải quyết các vướng mắc. Đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành.

- Công tác vốn cho SXKD và đầu tư:

+ Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư năm 2011, Công ty duy trì quan hệ và ký tiếp các hợp đồng hạn mức ngắn hạn, vay trung và dài hạn với các ngân hàng Đầu tư và phát triển Sơn La, Đầu tư và phát triển Tuyên Quang, Công thương Sông Nhuệ, Tài chính Sông Đà... đảm bảo đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Kế hoạch tăng giảm vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết. Năm 2011 Công ty CP Sông Đà 5 sẽ góp tiếp 38 tỷ đồng vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển năng lượng Sông Đà 5.

- Biện pháp huy động vốn:

+ Huy động từ các Tổ chức tín dụng: Ngân hàng thương mại, Công ty CP Tài chính Sông Đà.

+ Huy động từ các nguồn khác: Tiền khối lượng xây lắp hoàn thành tại các công trình do Sông Đà 5 thi công, các nguồn khấu hao tài sản và các nguồn khác.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 với một công ty kiểm toán độc lập đã được UBCKNN chấp thuận cho kiểm toán báo cáo tài chính các công ty niêm yết.

#### **4.4. Giải pháp kinh tế:**

\* Về đầu thu với Chủ đầu tư :

- Tập trung, bám sát công tác lập, trình duyệt định mức, đơn giá Tổng dự toán các công trình.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn, theo dõi để cân đối nguồn vốn, giải ngân của chủ đầu tư các dự án để có kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý.

- Lập đề cương thống nhất, thỏa thuận với Chủ đầu tư việc tái đầu tư sử dụng dây truyền bê tông đầm lăn sử dụng cho Dự án thủy điện Lai Châu (trong quý I/2011).

\* Đối với công tác quản lý nội bộ :

- Sửa đổi các phân cấp về hợp đồng kinh tế, tài chính cho phù hợp với mô hình quản lý điều hành mới.

- Giao kế hoạch giá thành và khoán chi phí quản lý doanh nghiệp cho các đơn vị trực thuộc.

#### **4.5. Một số giải pháp khác:**

##### **4.5.1. Giải pháp về Cơ giới -Vật tư:**

- Lập phương án sửa chữa, tháo dỡ, bảo dưỡng hệ thống trạm trộn, trạm lạnh và băng tải vận chuyển vữa bê tông đầm lăn (RCC) tại thủy điện Lai Châu;

- Cân đối xe máy thiết bị tại các công trình, nghiên cứu, xem xét việc điều chuyển hoặc đầu tư mới xe máy, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất tại các công trình trọng điểm;

- Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa, thay thế phụ tùng.

- Lập kế hoạch mua vật tư, phụ tùng kịp thời, tìm nhiều đối tác để chủ động hơn nữa trong việc lựa chọn nguồn hàng đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế, hạn chế vật tư tồn kho.

##### **4.5.2. Giải pháp về Kỹ thuật - Chất lượng - An toàn lao động:**

- Nâng cao và kiểm soát chất lượng, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy phạm. Tăng cường việc nghiệm thu cơ sở; giải quyết các vướng mắc trong công tác thiết kế, mặt bằng, biện pháp tổ chức thi công và nghiệm thu ngoài hiện trường kịp thời.
- Thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra an toàn và bảo hộ lao động, giảm tối đa nguy cơ tai nạn lao động. Kiên quyết xử lý kỷ luật những trường hợp vi phạm quy định về an toàn lao động.
- Tăng cường công tác hoàn thiện, bàn giao các hạng mục công trình tại thủy điện Sơn La đúng kế hoạch.

#### **4.5.3. Giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực:**

##### **a. Mục tiêu:**

- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người Sông Đà 5 về mọi mặt, đủ về số lượng, tinh thông nghề nghiệp.
- Đảm bảo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho số lao động hiện có của công ty.
- Xây dựng chế độ đãi ngộ với những lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và những công nhân lành nghề gắn bó với đơn vị.

##### **b. Các giải pháp chủ yếu:**

###### **\* Công tác tổ chức cán bộ:**

- Chú trọng ưu tiên phát triển nguồn cán bộ sẵn có tại đơn vị, người được bổ nhiệm phải đảm bảo có trình độ năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm cao trong công việc, mặt khác phải là người có tư tưởng gắn bó lâu dài với đơn vị.

###### **\* Công tác đào tạo, kèm cặp:**

- Đối với cán bộ quản lý điều hành: Tiếp tục cử cán bộ chủ chốt của đơn vị tham gia các lớp học quản lý, đấu thầu nhằm nâng cao nghiệp vụ đáp ứng được mọi yêu cầu công việc sắp tới. Năm 2011 sẽ cử 14 -:- 15 cán bộ tham gia học nâng cao công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp, 4 -:- 5 cán bộ tham gia các lớp học về đấu thầu. Tiếp tục thực hiện việc 03 cán bộ theo học cao học.
- Duy trì thực hiện tốt công tác kèm cặp đối với kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm hướng dẫn kèm cặp kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật mới ra trường.

###### **\* Công tác đào tạo, tuyển dụng:**

- Tuyển dụng một số cán bộ có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp cho phòng thị trường nhằm đáp ứng tốt công tác đấu thầu tìm kiếm công việc cho đơn vị.
- Bổ sung lực lượng công nhân không có điều kiện di chuyển theo các công trường mới để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

#### **IV. Báo cáo tài chính: ( Đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật )**

##### **1. Bảng cân đối kế toán:**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số dư cuối năm</b>	<b>Số dư đầu năm</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>520.075.861.685</b>	<b>590.887.954.650</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.259.517.191	2.852.322.667
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	252.435.007.142	306.889.799.128
4	Hàng tồn kho	240.221.297.224	262.874.473.073
5	Tài sản ngắn hạn khác	18.160.040.128	18.271.359.782
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>196.448.544.309</b>	<b>232.593.896.678</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	80.964.082.639	205.135.063.951
	- Tài sản cố định hữu hình	76.212.824.789	200.997.375.407
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.751.257.850	4.137.688.544
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	115.484.461.670	27.458.832.727
5	Tài sản dài hạn khác		
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>716.524.405.994</b>	<b>823.481.851.328</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>352.277.817.153</b>	<b>646.079.026.805</b>
1	Nợ ngắn hạn	313.320.640.949	500.105.391.622
2	Nợ dài hạn	38.957.176.204	145.973.635.183
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>364.246.588.841</b>	<b>177.402.824.523</b>
<b>1</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>364.246.588.841</b>	<b>177.402.824.523</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	60.940.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	116.115.470.000	
	- Vốn khác của chủ sở hữu	3.082.599.321	
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		278.425
	- Các quỹ	85.782.029.881	46.558.060.312
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69.266.489.639	69.904.485.786
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
<b>2</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		

	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>716.524.405.994</b>	<b>823.481.851.328</b>

## 2. Kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.194.042.954.090	1.315.819.318.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		387.321.818	147.368.481
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.193.655.632.272	1.315.671.950.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.029.526.557.810	1.126.395.984.427
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		164.129.074.462	189.275.965.997
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.779.944.860	3.029.348.331
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	41.038.293.803	45.710.797.988
- Trong đó chi phí lãi vay	23		29.062.140.360	38.990.969.351
8. Chi phí bán hàng	24		-	2.726.980
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.408.822.310	74.947.996.134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		69.461.903.209	71.643.793.226
11. Thu nhập khác	31		2.132.077.697	1.146.157.030
12. Chi phí khác	32		1.689.495.120	61.477.264
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		442.582.577	1.084.679.766
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.904.485.786	72.728.472.992
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		

			-	5.045.142.015
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		69.904.485.786	67.683.330.977
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		11.479	7.520

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ( Đã được kiểm toán theo file đính kèm).
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính ( Đã được kiểm toán theo file đính kèm).

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Thăng Long- TDK.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty CP Sông Đà 5 đã:

+ Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

+ Phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt : Số dư đầu năm 2010 có sự thay đổi một số chỉ tiêu theo Biên bản kiểm toán nhà nước.

### A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Điều chỉnh phải thu của khách hàng tăng TK 1311 : 20.983.615.886, đồng  
Do điều chỉnh tăng doanh thu và tăng thuế GTGT của Công trình Thủy điện Sơn La.
2. Điều chỉnh hàng tồn kho ( TK 154) giảm: 17.426.187.497, đồng.  
Do điều chỉnh tăng doanh thu công trình thủy điện Sơn La .
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ( TK 333) : 1.907.601.444, đồng  
Do điều chỉnh tăng thuế đầu ra tương ứng với tăng doanh thu công trình thủy điện Sơn La
4. Phải trả phải nộp khác( TK 3388) tăng :66.668.283, đồng  
Do không được hỗ trợ lãi suất theo quy định
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng: 1.583.158.662, đồng  
Do kết quả kinh doanh thay đổi sau kiểm toán

### B. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV tăng 19.076.014.442, đồng

2. Giá vốn hàng bán tăng : 17.426.187.497, đồng
3. Chi phí tài chính( Chi phí lãi vay) tăng: 66.668.283, đồng.
4. Các chỉ tiêu khác trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi do các điều chỉnh trên.

Toàn bộ các khoản doanh thu, thuế GTGT phải nộp và các khoản phải nộp khác Công ty đã thực hiện trong quý I và quý II năm 2010

## **2. Kiểm soát nội bộ**

### **2.1 Ý kiến của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các Báo cáo tài chính của Công ty và tổ chức kiểm toán độc lập.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong các hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá của HĐQT như đã trình bày ở trên.

### **2.2 Các nhận xét đặc biệt: Không có**

## **VI. Các công ty có liên quan**

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không có.
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng Công ty Sông Đà 52,94% vốn điều lệ
3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Như đã báo cáo ở mục II.2.
4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

### **4.1: Công ty con: Công ty CP Đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5:**

#### **a. Thông tin khái quát:**

Ngày 20/08/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang có văn bản số 2798/UBND-NVKT về việc giao chủ đầu tư dự án thủy điện Sông Chảy 5 cho công ty CP Sông Đà 5. Theo đó, Công ty CP Đầu tư, xây dựng và phát triển năng lượng Sông Đà 5 (“Công ty”) được thành lập theo Nghị quyết các cổ đông sáng lập ngày 21/09/2009. Trong đó, Công ty CP Sông Đà 5 cam kết góp 85% vốn điều lệ và hai cổ đông khác là Công ty CP Sông Đà 505 cam kết góp 10% vốn điều lệ, Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Tây Nguyên góp 5% vốn điều lệ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5100310438 ngày 07/10/2009. Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 1 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/06/2010. Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 1 do Sở

kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/06/2010. Giấy chứng nhận đầu tư số 1012100097 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010.

Vốn điều lệ của công ty là: 100.000.000.000 đồng

( Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn./.)

Công ty có trụ sở tại : Xã Thèn Phàng- huyện Xín Mần- tỉnh Hà Giang.

**b. Lĩnh vực kinh doanh:**

Đầu tư, xây lắp, sản xuất vật liệu và vận hành nhà máy thủy điện.

**c. Ngành nghề kinh doanh:**

- Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật tư xây dựng, bê tông thương phẩm.
- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan, nổ mìn.
- Xây dựng công trình đường bộ.
- Mua bán, nhập khẩu: vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công.
- Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Thăm dò địa chất, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất khẩu khoáng sản, khai khoáng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Sản xuất kim loại.
- Kinh doanh vận tải bằng đường bộ.

**d. Tỷ lệ vốn góp:**

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty CP Sông Đà 5 góp 62.000.000.000đ/67.800.000.000đ chiếm 91,45% .

**e. Một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2010:**

Tổng tài sản	: 114.865.029.560, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	: 56.673.729.341, đồng
Tài sản dài hạn	: 58.191.300.219, đồng
Tổng nguồn vốn	: 114.865.029.560, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	: 47.065.029.560, đồng
Vốn chủ sở hữu	: 67.800.000.000, đồng

## **4.2 Công ty CP Sông Đà 505 (MCK S55)**

### **a. Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 – Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000041 ngày 09 tháng 8 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần hiệu chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần hiệu chỉnh gần nhất là vào ngày 27 tháng 11 năm 2009 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 5900320629. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan

Vốn điều lệ: 24.960.000.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến 31/12/2009:** 24.960.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 chiếm 32,56%.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Xã Iao – Huyện Iagrai – Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059. 3875711

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và vận hành đường dây, công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng;
- Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhận ủy thác đầu tư, mua bán cổ phiếu.

### **b. Tình hình thay đổi tỷ lệ vốn góp vào Công ty CP Sông Đà 505**

- Vốn góp vào S55 khi thành lập: 3.750.000.000,đ/7.000.000.000,đ tương đương 51% Vốn điều lệ.

- Vốn góp thêm năm 2008 do S55 phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,28 là: 4.569.600.000,đ/17.960.000.000,đ tương đương 25,4% giá trị cổ phiếu phát hành thêm.

- Tỷ lệ sở hữu sau khi S55 tăng vốn là: 8.139.600.000,đ/24.960.000.000,đ tương đương 32,56% vốn điều lệ.

**c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 đã được kiểm toán:**

+ Doanh thu thuần	: 244.841.793.054 đồng
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 11.831.750.112 đồng
+ Tổng giá trị tài sản cuối kỳ	: 196.266.266.686 đồng
+ Vốn chủ sở hữu	: 94.221.161.116 đồng

**VII. Tổ chức và nhân sự**

**1. Cơ cấu tổ chức của công ty**

**a. Hội đồng quản trị: 5 người**

- Ông: Vũ Khắc Tiệp : Chủ tịch
- Ông: Phạm Xuân Tiêng : Thành viên
- Ông: Trần Văn Huyền : Thành viên
- Ông: Đỗ Quang Lợi : Thành viên
- Ông: Nguyễn Mạnh Toàn : Thành viên

**b. Ban Kiểm soát: 3 người**

- Ông: Lê Văn Sinh : Trưởng ban
- Ông: Lê Ngọc Minh : Thành viên
- Bà: Đỗ Thị Hường : Thành viên

**c. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:**

- Ông: Trần Văn Huyền : Tổng Giám đốc
- Ông: Trương Văn Hiến : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Đỗ Quang Lợi : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Nguyễn Mạnh Toàn : Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Nguyễn Văn Hiếu : Phó Tổng Giám đốc

- Ông: Tạ Quang Dũng : Kế toán trưởng

## **2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

### **2.1 Ông Vũ Khắc Tiệp : Chủ tịch HĐQT công ty**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 113345273 do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 26/09/2005.

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 13/01/1957

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : Phường Phúc La - Tp.Hà Đông - Hà Tây.

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng thuỷ điện

- Quá trình công tác :

+ 04/1975 -:- 11/1981 Bộ đội E2-F314 Quân khu 2

+ 12/1981 -:- 11/1986 Cán bộ đi học đại học xây dựng Hà Nội

+ 12/1986 -:- 12/1989 Khu trưởng, Công ty XD thuỷ công - TCT Sông Đà

+ 01/1990 -:- 03/1993 Khu trưởng Công ty thuỷ công - Vĩnh Sơn - Bình Định

+ 04/1993 -:- 06/1995 Phó giám đốc XN thuỷ công - Công ty XD thuỷ điện Yaly - Gia Lai.

+ 07/1995 -:- 11/1997 Giám đốc XN 5.01 - Công ty XD Sông Đà 5 - Thuỷ điện Yaly - Gia Lai

+ 12/1997 -:- 05/2000 Phó giám đốc Công ty Sông Đà 5 - Yaly - Gia Lai

+ 06/2000 -:- 04/2001 Phó phòng Kỹ thuật chất lượng - Công ty XD Sông Đà 5

+ 05/2001 -:- 02/2003 Phó giám đốc XN Sông Đà 5.02 - Bình Phước

+ 03/2003 -:- 07/2003 Phó GD Công ty Sông Đà 5 kiêm GD XN Sông Đà 5.02 - Bình Phước

+ 08/2003 -:- 05/2005 Phó GD Công ty Sông Đà 5 - Na Hang - Tuyên Quang

+ 06/2005 -:- 04/2009 Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 5

+ 04/2009 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 5

### **2.2 Ông Trần Văn Huyền- UV Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 113 235 332 do cụng an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 12/08/2004

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 05/09/1968

- Quốc tịch : Việt nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Trục Cường - Trục Ninh - Nam Định
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác :
- + 04/1987 - 03/1988 Công nhân thợ khoan Công ty công trình ngầm - TCT Sông Đà
- + 03/1988 - 12/1991 Đi xuất khẩu lao động tại Cộng hoà IRAQ
- + 01/1992 - 06/1996 Sinh viên trường ĐH Bách Khoa Hà Nội
- + 07/1996 - 07/1999 Đội trưởng Chi nhánh Hà Nam - Công ty XD Sông Đà 8
- + 07/1999 - 08/2003 Đội trưởng - Công ty CP Sông Đà 5
- + 09/2003 - 01/2008 Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.04 - Công ty CP Sông Đà 5.
- + 02/2008 - 12/2008 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.04
- + 01/2009 - 04/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5
- + 04/2009 đến nay Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5

### **2.3 Ông Trương Văn Hiến : Phó tổng giám đốc**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 031054787 do Công an TP Hải Phòng cấp ngày 01/05/1996.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/06/1980
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tiên Phong- Vĩnh Bảo- Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thuỷ lợi
- Quá trình công tác :
- + 07/2002 - 01/2004 Nhân viên phòng kỹ thuật- Công ty CP Sông Đà 5
- + 02/2004 - 12/2004 Phó phòng kỹ thuật- Công ty CP Sông Đà 5.
- + 01/2005 - 09/2006 Trưởng ban kỹ thuật- XN Sông Đà 5.06.
- + 10/2006 - 11/2007 Phó giám đốc XN Sông Đà 5.06
- + 12/2007 - 02/2010 Giám đốc XN Sông Đà 5.06
- + 03/2010 – nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 5

### **2.4 Ông Nguyễn Mạnh Toàn : Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 125 120 615 do công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/12/2000

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1972
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thuỷ lợi
- Quá trình công tác :
- + 7/1995 - 9/1999 Cán bộ kinh tế Công ty XD Sông Đà 5
- + 9/1999 - 11/2002 Phó phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 5
- + 12/2000 - 6/2003 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3
- + 7/2003 - 1/2007 Phó Tổng Giám đốc Công ty Sông Đà 3
- + 2/2007 - nay Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5

**2.5 Ông Phạm Xuân Tiêng : ủy viên HĐQT chuyên trách**

- Số chứng minh thư nhân dân: 012 928 265 Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2006
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 06/03/1960
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :
- + 05/1980 - 06/1982 Kỹ thuật Công ty XD số 3 - TCT Sông Đà
- + 07/1982 - 05/1985 Khu trưởng Công ty XD số 3 - TCT Sông Đà
- + 06/1985 - 11/1990 TP.Tổ chức hành chính XN thuỷ công 3 Sông Đà
- + 12/1990 - 03/1993 Trưởng phòng TCHC Công ty thuỷ điện Vĩnh Sơn
- + 04/1993 - 03/2000 Trưởng phòng TCHC Công ty Sông Đà 5 - Gia Lai
- + 04/2000 - 03/2002 Trưởng phòng TCHC Công ty Sông Đà 5 - Bình Phước
- + 04/2002 - 12/2004 Trưởng phòng TCHC Công ty Sông Đà 5 - Tuyên Quang
- + 01/2005 - 4/2009 Trưởng phòng TCHC Công ty Sông Đà 5 - Sơn La
- + 4/2009 đến nay Ủy viên HĐQT chuyên trách

**2.6 Ông Đỗ Quang Lợi : Phó Tổng Giám đốc kiêm UV Hội đồng quản trị.**

- Số Chứng minh thư nhân dân: 113 259 283 do công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 15/12/2003
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 28/12/1970
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Thành phố Hoà Bình - Tỉnh Hoà Bình
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng cơ khí
- Quá trình công tác :
- + 05/1987 - 10/1988 Học nghề tại trường công nhân kỹ thuật Việt Xô Sông Đà.
- + 10/1988 - 10/1992 Công nhân thuộc Công ty công trình ngầm - TCT Sông Đà.
- + 10/1992 - 03/1996 Sinh viên trường Cao đẳng ĐH Bách Khoa Hà Nội.
- + 04/1996 - 04/2000 Nhân viên Phòng Vật tư - Cơ giới Công ty XD Sông Đà 5
- + 04/2000 - 11/2000 Phó phòng Vật tư cơ giới kiêm phó ban Vật tư cơ giới Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 502
- + 04/2001 - 08/2003 Trưởng ban Vật tư cơ giới Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 5.02  
- Công ty XD Sông Đà 5
- + 08/2003 - 07/2007 Trưởng phòng Cơ giới vật tư Công ty CP Sông Đà 5
- + 08/2007 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5

## **2.7 Ông Nguyễn Văn Hiếu : Phó Tổng Giám đốc**

- Chứng minh nhân dân số: 113 041 976 do công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 11/01/2003
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 10 tháng 01 năm 1953
- Nơi sinh : Đoan Hùng – Hưng Hà - Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đoan Hùng – Hưng Hà - Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Văn Quán – Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
- + 7/1976 - 6/1984 Nhân viên Kỹ thuật Công ty XD tổng hợp dân dụng, TCT Sông Đà
- + 7/1984 - 12/1989 Nhân viên Kỹ thuật Công ty thuỷ công, Hoà Bình
- + 1/1990 - 3/1993 Quản đốc phân xưởng Chi nhánh vật tư thiết bị Yaly
- + 1/1994 - 5/1995 Trưởng ban Kinh tế kế hoạch Chi nhánh Công ty vật tư thiết bị Yaly
- + 6/1995 - 12/1996 Nhân viên Kỹ thuật Công ty XD Sông Đà 5
- + 1/1997 - 11/1997 Trưởng ban Kỹ thuật Công ty XD Sông Đà 5
- + 12/1997 - 12/1999 Phó Giám đốc Công ty XD Sông Đà 5
- + 01/2000-10/2001 Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 501

- + 11/2001 - 12/2002 Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty XD Sông Đà 5.02
- + 1/2003 - 9/2004 Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 5
- + 10/2004 - 9/2005 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5
- + 10/2005 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 5 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.02

**2.8 Ông Tạ Quang Dũng: Kế toán trưởng**

- Số chứng minh thư nhân dân: 111 543 480 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 17/03/2008.

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 20/02/1981
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Kim Thư - Thanh Oai - Hà Tây
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

- Quá trình công tác :

- + 08/2003 - 09/2003 Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 5.
- + 10/2003 - 12/2003 Nhân viên kế toán Xí nghiệp Sông Đà 5.01 - Công ty Sông Đà 5
- + 01/2004 - 12/2006 Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 5
- + 01/2007 - 03/2008 Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 5
- + 04/2008 - nay Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 5

**2.9 Ông Lê Văn Sinh : Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 01/06/1980
- Nơi sinh : Tiên Tiến, Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tiên Tiến, Thanh Hà Hải Dương
- Điện thoại liên hệ : 0977209456
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán

- Quá trình công tác:

**Thời gian công tác**

**Chức vụ, địa chỉ nơi công tác**

- + 9/1998 đến 06/2002 Sinh viên Học viện Tài chính
- + 08/2002 – 02/2003 Nhân viên Ban Tài chính kế toán - XN Sông Đà

## 10.2 – Công ty Sông Đà 10

- + 03/2003 – 11/2003 Nhân viên Phòng Tài chính kế toán - Công ty Sông Đà 10
- + 12/2003 – 03/2008 Trưởng ban TCKT – Xí nghiệp Sông Đà 10.6 – Công ty CP Sông Đà 10
- + 04/2008 đến nay Trưởng phòng Tài chính kế toán – Ban điều hành DATĐ Sơn la – Tổng công ty Sông Đà

### **2.10 Ông Lê Ngọc Minh : Thành viên Ban kiểm soát**

- Số chứng minh thư nhân dân: 111821182 do Công an Hà Tây cấp ngày 14/02/2006.
- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : 12/02/1979
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P.Văn Mỗ - Thị xã Hà Đông - Tỉnh Hà Tây
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế xây dựng giao thông
- Quá trình công tác :
  - + 9/1997 - 7/2001 Sinh viên trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội
  - + 8/2001 - 9/2003 Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà
  - + 9/2003 - 5/2004 Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch Ban điều hành dự án Thủy điện Cửa Đạt
  - + 6/2004 - 5/2006 Phó phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 5
  - + 6/2004 - 12/2007 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 5
  - + 01/2008 - 04/2009 Trưởng đại diện Công ty CP Sông Đà 5 tại Hà Nội
  - + 05/2009 đến nay Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 5 tại Hà Nội

### **2.11 Bà: Đỗ Thị Hương : Thành viên Ban kiểm soát**

- Số chứng minh thư nhân dân: 121318131 do Công an Hà Bắc cấp ngày 01/08/1996.
- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : 24/03/1979
- Quốc tịch : Việt nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ngọc Quan- Lâm Thao- Lương Tài- Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :
  - + 9/1997 - 10/2001 Sinh viên trường Đại học Luật Hà Nội
  - + 11/2001 - 7/2003 Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch Cơ quan Đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại miền Trung

- + 8/2003 - 5/2007 Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch Ban điều hành dự án Thủy điện Pleikrông
- + 6/2007 - 8/2008 Chuyên viên phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 5
- + 9/2008 - nay Phó phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 5

## **2.12 Thay đổi ban Giám đốc điều hành trong năm:**

- Ông Trương Văn Hiến – Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 5.06 lên giữ chức Phó tổng giám đốc thi công thay ông Tạ Hoàng Bảy.

**2.14 Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc:** Theo quy định thang bảng lương doanh nghiệp hạng I và các quy định nội bộ do Công ty ban hành.

**2.15 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:** 1.775 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

**2.16 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

**- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

+ Ông Đỗ Quang Lợi – Phó Tổng Giám đốc được bầu vào thành viên HĐQT thay thế ông Tạ Hoàng Bảy.

**- Thay đổi Ban kiểm soát: Không có**

## **VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát, Kiểm soát viên:**

**1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát: Đã nêu chi tiết tại mục VII.**

**1.2 Hoạt động của HĐQT**

- Cuối mỗi quý Hội đồng quản trị đã tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đồng thời đề ra kế hoạch, giải pháp để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và nhiệm vụ cụ thể của quý sau;

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010; chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

- Theo từng kỳ báo cáo 6 tháng, một năm Hội đồng quản trị triệu tập họp, mở rộng tới các cán bộ quản lý và điều hành Công ty để quyết nghị các biện pháp phấn đấu hoàn thành kế hoạch và chấn chỉnh các mặt hoạt động:

+ Chấn chỉnh công tác thu vốn và chất lượng công tác thi công bê tông;

+ Các mặt công tác quản lý, các giải pháp kinh tế trong tình trạng lạm phát và giá cả các loại vật tư chính tăng đột biến, chính sách thắt chặt cho vay của các tổ chức tài chính:

chỉ đạo rà soát định mức giao khoán nội bộ, tăng cường các biện pháp thu vốn; đặc biệt chú trọng tới các công trình trọng điểm như Sơn La, Lai Châu, Hòa Na, Sông Chảy 5 ;

+ Rà soát các dự án đầu tư và chỉ đạo đầu tư vào các công ty có tiềm năng.

+ Đã tổ chức việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần 2 thành công, với mức giá cao nhất là trong giai đoạn thị trường chứng khoán có những diễn biến xấu, giá cổ phiếu sụt giảm, tính thanh khoản của các CP kém.

+ Thực hiện đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, các hoạt động quan trọng của các xí nghiệp, chi nhánh như bổ nhiệm giám đốc, kế toán trưởng, thành lập thêm chi nhánh.

Từ biện pháp tích cực hiệu quả và chỉ đạo kiên quyết, trọng tâm, kịp thời của HĐQT đã góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi Quyết nghị Đại hội đồng cổ đông.

### **1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên**

- Ban kiểm soát gồm những thành viên hoạt động kiêm nhiệm, công tác phân tán nhưng đã thường xuyên trao đổi thông tin với nhau về các hoạt động của đơn vị và về từng lĩnh vực được phân công.

- Thường xuyên yêu cầu Công ty cung cấp thông tin, tài liệu để kiểm soát tính hợp pháp và quá trình triển khai.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Các cuộc họp về kế hoạch SXKD năm 2010;

- Kiểm soát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2010.

- Kiểm soát tình hình ban hành các văn bản quản lý nội bộ; Kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, các quy chế, quy định của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty;

- Xem xét Báo cáo tài chính các quý và năm 2010 do ông Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính kế toán lập; Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập Công ty;

- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2010;

- Một số nội dung khác.

### **1.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ năm năm 2010 số 01/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2009.

Công ty CP Sông Đà 5 đã thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2010 như sau:

- Số được chi theo NQ số 01/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ là: 792.000.000 đồng

- Số thực chi theo NQ số 01/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ là: 792.000.000 đồng

Trong đó: - HĐQT: 504.000.000 đồng

- Ban kiểm soát: 216.000.000 đồng

- Thư ký : 72.000.000 đồng

### 1.5 Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Hội đồng quản trị : 5/5 đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
- Ban Kiểm soát : 3/3 đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
- Ban Tổng Giám đốc : 4/6 đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

1.6 Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT, BGD, Ban kiểm soát: ( Tại thời điểm 04/03/2011):

TT	Họ và tên	Số lượng sở hữu đầu năm	Số lượng mua trong năm	Số lượng bán trong năm	Số dư cuối năm	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Khắc Tiệp	311			311	0,0035%
2	Tạ Hoàng Bấy	271			271	0,0030%
3	Nguyễn Mạnh Toàn	200			200	0,0022%
4	Đỗ Quang Lợi	51			51	0,0006%
5	Trần Văn Huyền	18			18	0,0002%
6	Nguyễn Văn Hiếu	128			128	0,0014%
7	Trương Văn Hiến	58			58	0,0006%
8	Phạm Xuân Tiêng	4.586			4.586	0,0510%
9	Lê Ngọc Minh	55			55	0,0006%

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn tại ngày 04/3/2011:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Loại cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Đà	4.764.400	52,94	Phổ thông
2	Các cổ đông khác	4.235.600	47,06	Phổ thông
	<b>Cộng</b>	<b>9.000.000</b>	<b>100</b>	<b>Phổ thông</b>

#### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

\* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước

- Tổng số cổ đông: 1.005

Trong đó:

+ Cá nhân: 964

+ Tổ chức: 41

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung:

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ (CP)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Loại cổ phần</b>
1	Tổng Công ty Sông Đà	4.764.400	52,94	Phổ thông
2	Quỹ đầu tư tăng trưởng VN	591.800	6,6%	Phổ thông
3	Quỹ đầu tư chứng khoán VN	1.153.800	12,8%	Phổ thông

## **2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:**

\* Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nước ngoài

- Tổng số cổ đông: 28

Trong đó:

+ Cá nhân: 25 nắm giữ 53.276 cổ phần, tương đương 0,6% VDL

+ Tổ chức: 3 nắm giữ 101.800 cổ phần, tương đương 1,1% VDL

\* Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn theo nội dung: Không có cổ đông lớn

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**P.TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Thị Len**

**Tạ Quang Dũng**

**Nguyễn Mạnh Toàn**

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT Hà Nội

- UBCKNN

- TT lưu ký CK

- Lưu TCKT SĐ5